

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH T HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22/3/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH T HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh T Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX - ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh T Hóa

2. *Bị đơn:* Anh T - Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh T Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới vào tháng 02/1997 và được Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/1997. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu say, nhiều lần chửi bới đánh đập chị. Chị đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, do không thể chịu được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở từ tháng

02/2014 cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là cháu: Cù Thị T, sinh ngày 09/5/1999 và Cù Văn Th, sinh ngày 15/01/2004. Hiện nay các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị đối với cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Th chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/02/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị L kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ ngoại tình với nhiều người, anh khuyên bảo nhiều lần nhưng chị vẫn không thay đổi, sau đó chị L đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm đến nhau, nay chị L có yêu cầu ly hôn thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý và xin được ly hôn với chị L.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là cháu: T, sinh ngày 09/5/1999 và Th, sinh ngày 15/01/2004. Đối với cháu T đã trưởng thành và tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Th anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc chị L phải đưa cho anh 50.000.000đồng để anh nuôi con.

- *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh T đều thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, chị L cho rằng anh T thường xuyên say rượu và đánh đập chị, còn anh T cho rằng chị L có quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014, anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để mong anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt nên không thể hòa giải được. Nay tại phiên tòa anh chị vẫn xin được thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Việc chị L và anh T xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật HN&GD Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là cháu: T, sinh ngày 09/5/1999 và Th, sinh ngày 15/01/2004.

Đối với cháu T đã trưởng thành và tự lập nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Th anh T và chị L đều đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng, lời khai của cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T và chị L chị đều có khả năng chăm sóc cháu tốt, nhưng chị L hiện nay có công việc làm và mức thu nhập ổn định (có xác nhận mức lương), còn anh T lao động tự do thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Th đã 14 tuổi mức chi phí nhiều và là con trai cần có sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Th cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của cháu.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị và mức thu nhập của chị cũng đủ cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị L phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận vợ chồng có hai con chung là cháu: T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1999 và Th, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004.

2.1. Hiện nay cháu T đã đủ tuổi thành nên anh T và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Giao con chung Th, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

2.4. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0000147 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Lâm (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

